

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HS-PT
Ngày 26-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mã Văn Quân.

Các Thẩm phán: Bà Nông Biên Hòa.

Ông Hoàng Văn Thụ.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Duy Phong, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:
Bà Nông Diệu Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 40/2021/TLPT-HS ngày 28 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo Triệu Văn Đ và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án sơ thẩm số: 25/2021/HS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Triệu Văn Đ**, sinh ngày 01 tháng 8 năm 1996 tại tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm N, xã M, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 6/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn S, sinh năm 1971 và bà Hứa Thị T (đã chết); có vợ là Mã Thị C, sinh năm 1994 và 01 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 13-11-2020 đến ngày 08-02-2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Đặt tiền để bảo đảm, ngày 24-9-2021 tiếp tục bị bắt, tạm giam đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. Họ và tên: **Ngọc Văn K**, sinh ngày 15 tháng 9 năm 1983 tại tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm L, xã M, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngọc Ánh S (đã chết) và bà Nông Thị b, sinh năm 1958; có vợ là Triệu Thị N và 02 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 13-11-2020 đến ngày 05-02-2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Đặt tiền để bảo đảm, ngày 24-9-2021 tiếp tục bị bắt, tạm giam đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

3. Họ và tên: **Thẩm Văn H**, sinh ngày 28 tháng 01 năm 1987 tại tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước ngày 04-3-2021: Xóm H, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; từ ngày 04-3-2021 đến khi bị bắt, tạm giam: Xóm B - N, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thẩm Văn N, sinh năm 1962 và bà Mông Thị B, sinh năm 1960; có vợ là Lâm Thị T, sinh năm 1988 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 13-11-2020 đến ngày 09-02-2021 được thay thế bằng biện pháp Đặt tiền để bảo đảm, ngày 24-9-2021 tiếp tục bị bắt tạm giam đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

4. Họ và tên: **Nông Thị T**, sinh ngày 21 tháng 10 năm 1992 tại tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm L, xã M, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: lớp 5/12 phổ thông; dân tộc Tày; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T (đã chết) và bà Nông Thị D, sinh năm 1955; có chồng là Triệu Văn N, sinh năm 1986 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

5. Họ và tên: **Triệu Thị T2**, sinh ngày 06 tháng 3 năm 1984 tại tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm L, xã M, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: lớp 2/12 phổ thông; dân tộc Tày; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Thanh C, sinh năm 1958 và bà Hoàng Thị V, sinh năm 1959; có chồng là Ngọc Văn V, sinh năm 1983 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

6. Họ và tên: **Nông Văn L**, sinh ngày 15 tháng 12 năm 1996 tại tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm L, xã M, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: lớp 7/12 phổ thông; dân tộc Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mã Văn H, sinh năm 1974 và bà Nông Thị T, sinh năm 1972; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

7. Họ và tên: **Ngọc Văn O**, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1996 tại tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm L, xã M, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: lớp 2/12 phổ thông; dân tộc Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngọc Văn D, sinh năm 1956 và bà Nông Thị S (đã chết); vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 24-9-2021 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

+ Người bào chữa cho các bị cáo Triệu Văn Đ, Ngọc Văn K, Thẩm Văn H, Ngọc Văn O: Ông Nguyễn Đắc T và ông Phùng Văn C, luật sư của Công ty Luật TNHH M - Đoàn Luật sư Hà Nội;

Có mặt ông Phùng Văn C, vắng mặt ông Nguyễn Đắc T.

+ Người bào chữa cho các bị cáo Nông Thị T, Triệu Thị T2, Nông Văn L: Bà Nông Thị Thu T, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ 40 phút ngày 19 tháng 8 năm 2020, Đoàn Biên phòng Lý Vạn thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng phối hợp với Chi cục Hải quan Cửa khẩu L làm nhiệm vụ tại khu vực xóm B, xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng phát hiện 02 xe ô tô đi từ hướng về xã Lý Quốc, huyện H. Qua kiểm tra, xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI biển kiểm soát 11C-050.xx do Mã Văn C điều khiển; xe ô tô nhãn hiệu CỬU LONG biển kiểm soát 28H-73xx do Mã Văn S điều khiển. Phát hiện trên thùng của 02 xe có 142 bao tải dứa màu xanh bên trong đều chứa khẩu trang không có nhãn mác, lái xe không xuất trình được giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, xe ô tô được đưa về Đoàn Biên phòng L để lập biên bản xử lý.

Theo lời khai ban đầu của C và S thì số hàng trên là của Triệu Văn Đ thuê chở từ nhà ông Mông Trung A ở xóm N (sau sáp nhập thành xóm B) đến xã Đ, huyện H với tiền công mỗi xe là 2.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định được như sau: Khoảng tháng 7-2020, Triệu Văn Đ và Nông Văn B cùng xuống Hà Nội gặp một người đàn ông tên Thắng ở Hà Nội, không biết họ và địa chỉ. Đầu tháng 8-2020, người đàn ông này lên Cao Bằng gặp Nông Văn B và Đ tại kho hàng của Thắng ở xã Đ, huyện H. Tại đây, người đàn ông này đặt vấn đề mua khẩu trang từ Trung Quốc đem về Hà Nội tiêu thụ, khẩu trang sẽ được nhận với một người phụ nữ Trung Quốc tên Rắc và hàng được tập trung tại kho của Thắng, tiền công là 12.000.000 đồng/01 tấn khẩu trang. Sau khi thống nhất, Nông Văn B đã bàn bạc với Triệu Văn Đ, Bsẽ liên hệ với bà Rắc về việc lấy hàng, Đ tìm người có kho bãi ở gần bờ sông để tiện cho việc đưa hàng từ bờ sông Trung Quốc sang, sau đó sẽ vận chuyển về kho của Thắng, Đ cho biết Thẩm Văn H có kho hàng ở ngay bờ sông thuộc xóm L, xã M, Đ đã liên lạc và được H đồng ý. Cả ba người cùng thống nhất phân công Đ lo việc vận chuyển hàng từ Trung Quốc vào và tìm người bốc vác, H lo kho, bãi chứa hàng và trả tiền công cho người vận chuyển, B lo việc tiêu thụ, lãi sẽ được chia đều cho ba người sau khi trừ chi phí vận chuyển, tiền thuê kho bãi. Khi được bà Rắc thông báo không thể vận chuyển hàng về kho của H vì có lực lượng chức năng của Trung Quốc tăng cường tuần tra, kiểm soát đoạn bờ sông đối diện khu vực kho của H nên phải tìm kho, bãi khác để tập kết hàng. Qua bàn bạc, cả ba người thống nhất vận chuyển về kho của Ngọc Văn O ở đoạn sông phía trên, H đã liên hệ với K và K nhất trí tham gia. Cả 04 người thống nhất tập

kết hàng tại kho của K, đồng thời K là người chịu trách nhiệm tìm người vận chuyển từ bờ sông Trung Quốc đến kho và K sẽ được hưởng 4.000.000 đồng, bao gồm tiền kho bãi, tiền công vận chuyển. Cả 04 người được bà Rắc thêm vào một nhóm kín trên ứng dụng Wechat để tiện cho việc liên lạc bằng giọng nói trong quá trình vận chuyển khẩu trang. Ngày 15-8-2020, bà Rắc thông báo khẩu trang đã đến bờ sông, K gọi điện thoại cho Nông Thị T, Triệu Thị T2, Nông Văn L, Ngọc Văn D đến vận chuyển hàng từ bờ sông Trung Quốc đến kho của K, sau khi vận chuyển hết hàng mỗi người sẽ được trả 500.000 đồng. Khoảng 23 giờ cùng ngày, cả Hiệp và 04 người được thuê cùng dùng xe của K vận chuyển trong 04 đêm được khoảng 10 chuyến thì hết hàng với số lượng khẩu trang được vận chuyển là 174 bao. Sau khi vận chuyển xong, K dùng tiền cá nhân trả tiền công cho 04 người vận chuyển, mỗi người 500.000 đồng.

Sau khi số khẩu trang được tập kết tại kho của H, Nông Văn B đã yêu cầu Đ và H vận chuyển bằng xe máy đến kho của Thắng. Trưa ngày 17-8-2020, B lấy số điện thoại của Mã Đức M ở xóm B, xã L cho Đ để Đ tự tìm người bốc vác, Đ liên hệ với M nhưng M chỉ thuê được Mã Văn N, Mã Đình Q, Mông Trung E và cả M nữa là 04 người, còn Đ thuê được Mã Đình G, Nông Thế V, Nông Văn C, Mã Văn S và Nông Văn X với giá vận chuyển mỗi xe máy chở 03 bao sẽ được 70.000 đồng. Trong quá trình vận chuyển do trời mưa nên Đ yêu cầu M tìm nơi cất giấu trên đường đi, M đã thuê được căn nhà của Mông Trung R tại xóm S với giá thuê 1.000.000 đồng. Để vận chuyển nhanh, Đ yêu cầu K sử dụng xe mô tô ba bánh để vận chuyển hàng từ kho của K về kho của T nên K đã mượn xe của bố vợ là ông Triệu Quang L ở xóm L chở khoảng 02 đến 03 chuyến mới hết hàng tại kho của K. Sau khi số khẩu trang đã được tập trung tại nhà T, B yêu cầu Đ chuyển về kho của B ngay trong đêm 19-8-2020 nên Đ và M đã thuê 02 xe ô tô của Mã Văn C và Mã Văn S với giá mỗi xe 2.000.000 đồng. Khi xe ô tô đi được một đoạn thì bị lực lượng chức năng kiểm tra bắt giữ người và phương tiện đưa về Đồn Biên phòng Cửa khẩu L để làm rõ. Sau khi bị bắt giữ, Đ đã cho người đến lấy 32 bao khẩu trang còn lại tại nhà của Mông Trung R nộp cho Đồn Biên phòng.

Ngày 20-8-2020, Đồn Biên phòng L đã tiến hành kiểm đếm và xác định được: Xe của C chở 67 bao chứa 82 kiện; xe của S chở 75 bao chứa 99 kiện; 32 bao mà Đ cho người mang đến nộp có 45 kiện, mỗi kiện có 3.000 chiếc khẩu trang. Tổng cộng 74 bao có 672.000 chiếc khẩu trang. Ngày 21-8-2020, Đồn Biên phòng L đã tách lấy 50 khẩu trang gửi Trung tâm Y tế huyện H xác định loại khẩu trang, Trung tâm Y tế huyện H kết luận là khẩu trang y tế (kháng khuẩn). Đồng thời có văn bản yêu cầu định giá mỗi chiếc khẩu trang theo giá thị

trường. Ngày 31-8-2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H có quyết định thành lập Hội đồng định giá và việc định giá được tiến hành vào ngày 03-9-2020 với kết luận: Giá mỗi chiếc khẩu trang tại thời điểm bị bắt giữ là 1.000 đồng.

Ngày 23-10-2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã lấy 20 chiếc khẩu trang gửi Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội kiểm nghiệm chất lượng hàng hóa. Tại Phiếu kiểm nghiệm số: 4939/KNT-20 kết luận: Mẫu khẩu trang màu xanh đạt yêu cầu các tiêu chí đã kiểm nghiệm theo quy định 870/QĐ-BYT của Bộ Y tế.

Tại Bản án sơ thẩm số: 25/2021/HS-ST ngày 18-6-2021 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Triệu Văn Đ, Thẩm Văn H, Ngọc Văn K, Nông Thị T, Triệu Thị T2, Nông Văn L, Ngọc Văn O phạm tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”.

2. Về hình phạt:

+ Xử phạt bị cáo Triệu Văn Đ 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù nhưng được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 13-11-2020 đến ngày 08-02-2021 (84 ngày). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt.

+ Xử phạt bị cáo Thẩm Văn H 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù nhưng được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 13-11-2020 đến ngày 09-02-2021 (85 ngày). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt.

+ Xử phạt bị cáo Ngọc Văn K 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù nhưng được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 13-11-2020 đến ngày 05-02-2021 (81 ngày). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt.

+ Xử phạt bị cáo Nông Thị T 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt.

+ Xử phạt bị cáo Triệu Thị T2 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt.

+ Xử phạt bị cáo Nông Văn L 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt.

+ Xử phạt bị cáo Ngọc Văn O 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 22-6-2021, các bị cáo Nông Thị T, Triệu Thị T2, Nông Văn L, Ngọc Văn O kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 30-6-2021, các bị cáo Triệu Văn Đ, Thắm Văn H, Ngọc Văn K kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm và trả hồ sơ vụ án để điều tra lại.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Triệu Văn Đ, Thắm Văn H, Ngọc Văn K, giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để điều tra lại; bị cáo Ngọc Văn O thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị hủy Bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để điều tra lại do chưa đủ căn cứ xác định số lượng khẩu trang mà các bị cáo vận chuyển là 672.000 chiếc bởi trong quá trình vận chuyển có sự rơi vãi, một số bị cáo cũng lấy về sử dụng; Hội đồng định giá tài sản vi phạm nghiêm trọng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Nông Thị T, Triệu Thị T2, Nông Văn L đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt và được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm số: 25/2021/HS-ST ngày 18-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng đã xử phạt các bị cáo Triệu Văn Đ, Thắm Văn H, Ngọc Văn K, Nông Thị T, Triệu Thị T2, Nông Văn L, Ngọc Văn O phạm tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*” theo quy định tại khoản 3 Điều 189 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Tính hợp pháp của kháng cáo: Các bị cáo làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ. Tại phiên tòa, bị cáo Ngọc Văn O thay đổi kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để điều tra lại.

Về nội dung kháng cáo:

Các bị cáo Triệu Văn Đ, Ngọc Văn K, Thắm Văn H, Ngọc Văn O đề nghị hủy Bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để điều tra lại nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của mình. Bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ toàn diện hành vi phạm tội của các bị cáo và quyết định mức hình phạt tương

xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Các bị cáo Nông Thị T, Triệu Thị T2, Nông Văn L kháng cáo xin giảm hình phạt: Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã nộp lại khoản tiền nhận được từ việc vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội; tiền công các bị cáo nhận được không lớn, các bị cáo đều là người thực hành, tham gia vụ án với vai trò đồng phạm giản đơn, vai trò thứ yếu nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Triệu Văn Đ, Ngọc Văn K, Thẩm Văn H, Ngọc Văn O. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 25/2021/HS-ST ngày 18-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nông Thị T, Triệu Thị T2, Nông Văn L, sửa Bản án sơ thẩm số: 25/2021/HS-ST ngày 18-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng, giảm mức hình phạt cho mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 01 năm tù.

Luật sư Phùng Văn C trình bày lời bào chữa cho các bị cáo Triệu Văn Đ, Ngọc Văn K, Thẩm Văn H, Ngọc Văn O: Đồng ý với quan điểm truy tố, xét xử các bị cáo về tội vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới nhưng không đồng ý với kết luận định giá trong vụ án vì kết luận định giá và tổng giá trị hàng hóa bị thu giữ liên quan đến điều khoản truy tố và trách nhiệm hình sự mà các bị cáo phải chịu. Hồ sơ vụ án thể hiện các bị cáo không được tham gia kiểm đếm khẩu trang, số lượng 672.000 chiếc khẩu trang chỉ là con số áng chừng kiểm đếm của một bao nhân với số lượng bao hàng thu giữ được không bảo đảm sự khách quan, chưa có căn cứ khẳng định số lượng khẩu trang là 672.000 chiếc, bởi tại phiên tòa một số bị cáo thừa nhận lấy khẩu trang về nhà sử dụng, việc kiểm đếm chưa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, các bị cáo khai được tham gia kiểm đếm từng bao, không được kiểm đếm từng chiếc khẩu trang nên số lượng khẩu trang thực tế có thể thấp hơn. Có sự vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 216 của Bộ luật Tố tụng hình sự về thời hạn định giá. Ngày 21-8-2020, Đoàn Biên phòng cửa khẩu L yêu cầu Hội đồng định giá tài sản huyện H định giá số khẩu trang các bị cáo vận chuyển, thời hạn định giá từ ngày 21-8-2020 đến ngày 22-8-2020 nhưng ngày 03-9-2020 Hội đồng định giá mới tiến hành họp và

ban hành kết luận định giá. Thành viên Hội đồng định giá thuộc trường hợp không được tham gia định giá, bà Triệu Thị M là Chủ tịch Hội đồng định giá thời điểm đó đã có Quyết định khởi tố bị can và đã bị xem xét cảnh cáo nhưng đang công tác nên không đáp ứng điều kiện tham gia Hội đồng định giá; biên bản định giá không phù hợp với kết luận định giá, hình thức biên bản định giá chưa tuân thủ quy định tại Điều 19 Nghị định số: 30/2018/NĐ-CP ngày 07-3-2018 của Chính phủ. Chưa đủ căn cứ xác định giá khẩu trang là 1.000 đồng/01 chiếc do kết luận giám định chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xét hủy Bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để điều tra lại.

Các bị cáo Triệu Văn Đ, Ngọc Văn K, Thẩm Văn H, Ngọc Văn O không bào chữa bổ sung, không có ý kiến tranh luận.

Bà Nông Thị Thu T trình bày lời bào chữa cho các bị cáo Nông Thị T, Triệu Thị T2, Nông Văn L: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã cấu thành tội vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới theo quy định tại khoản 3 Điều 189 của Bộ luật Hình sự, Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, mức hình phạt 05 năm tù đối với mỗi bị cáo là quá nặng so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội. Trong vụ án này, các bị cáo Đ, H, K là người khởi xướng, điều hành và thực hiện hành vi vận chuyển hàng hóa ở đất Trung Quốc cho đến khi giao cho người khác vận chuyển sâu vào nội địa tiêu thụ, các bị cáo T, T2, L chỉ tham gia vận chuyển từ bờ sông Trung Quốc sang bờ sông Việt Nam để đưa vào kho của bị cáo K, có vai trò là đồng phạm giúp sức thứ yếu. Ngoài ra, bị cáo K cũng hỗ trợ phương tiện là thuyền và căng dây qua sông cho các bị cáo vận chuyển, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò và cho các bị cáo T, T2, L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trước khi phiên tòa phúc thẩm diễn ra, các bị cáo đã nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, xem xét các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội do nhận thức về pháp luật hạn chế và hoàn cảnh khó khăn để chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

Các bị cáo Nông Thị T, Triệu Thị T2, Nông Văn L không bào chữa bổ sung, không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo Triệu Văn Đ, Ngọc Văn K, Thẩm Văn H đề nghị hủy Bản án sơ thẩm, kiểm đếm lại khẩu trang; bị cáo Ngọc Văn O

không có ý kiến. Các bị cáo Nông Thị T, Triệu Thị T2, Nông Văn L đề nghị giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Có đủ căn cứ xác định: Đầu tháng 8-2020, một người đàn ông tên Thắng thuê Nông Văn b vận chuyển khẩu trang từ Trung Quốc vào Việt Nam và đưa đến kho hàng của Nông Văn b tại xã đ, huyện H với tiền công 12.000.000 đồng/01 tấn khẩu trang. Nông Văn B rủ Triệu Văn Đ tham gia, Thảm Văn H có kho hàng ở gần bờ sông nên Đ rủ H cùng tham gia. Do nước sông lên cao cùng với việc các lực lượng chức năng Trung Quốc tăng cường tuần tra kiểm soát khu vực đối diện kho hàng của H nên Đ và H tìm địa điểm khác để nhận hàng, biết Ngọc Văn K có kho hàng gần bờ sông nên H rủ K tham gia, K sẽ được hưởng 4.000.000 đồng gồm tiền kho bãi và tiền công vận chuyển hàng từ bờ sông bên Trung Quốc đến kho hàng của K. Từ đêm 15-8-2020 đến đêm 18-8-2020, K thuê Nông Thị T, Triệu Thị T2, Nông Văn L, Ngọc Văn O vận chuyển 174 bao tải chứa khẩu trang từ bờ sông bên Trung Quốc sang bờ sông bên Việt Nam và đưa vào kho hàng của K. Tối 19-8-2020, Triệu Văn Đ thuê người vận chuyển số hàng trên từ kho hàng của Ngọc Văn K đến kho hàng của Nông Văn b, khi 02 xe ô tô của Mã Văn C và Mã Văn S đang chờ hàng cho Đ đến kho của Nông Văn b thì bị các lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang. Qua kiểm đếm 174 bao tải bên trong chứa 226 kiện có tổng cộng 672.000 chiếc khẩu trang, Hội đồng định giá tài sản huyện H xác định giá mỗi chiếc khẩu trang tại thời điểm ngày 19-8-2020 là 1.000 đồng, 672.000 chiếc khẩu trang có giá trị 672.000.000 đồng. Do vậy, Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*” theo quy định tại khoản 3 Điều 189 và xử phạt Triệu Văn Đ, Thảm Văn H, Ngọc văn K mỗi bị cáo 05 năm 09 tháng tù, các bị cáo Nông Thị T, Triệu Thị T2, Nông Văn L, Ngọc Văn O mỗi bị cáo 05 năm tù là có căn cứ pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Triệu Văn Đ, Thảm Văn H, Ngọc Văn K, Nông Thị T, Triệu Thị T2, Nông Văn L, Ngọc Văn O:

Đối với kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để điều tra bổ sung của các bị cáo Triệu Văn Đ, Thảm Văn H, Ngọc Văn K, Ngọc Văn O: Các bị cáo và người bào chữa cho rằng chưa đủ căn cứ xác định số lượng khẩu trang là 672.000 chiếc, bởi trong quá trình vận chuyển có sự rơi vãi, một số bị cáo lấy về nhà sử dụng, việc kiểm đếm không đúng quy định của pháp luật, Hội đồng

xét xử thấy rằng số khẩu trang các bị cáo vận chuyển trái phép qua biên giới, sau khi bị bắt đã được đưa về Đồn Biên phòng Cửa khẩu L để lập biên bản. Tại Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép chứng chỉ hành nghề do Đồn Biên phòng Cửa khẩu L lập hồi 16 giờ 30 phút ngày 20-8-2020 với sự tham gia chứng kiến của chủ hàng là bị cáo Triệu Văn Đ, bị cáo Đ ghi ý kiến vào biên bản như sau: *"Tôi Triệu Văn Đ nhất trí với việc lập biên bản tạm giữ tang vật gồm 174 bao tải dứa bên trong có đựng khẩu trang y tế, số lượng khẩu trang là 672.000 chiếc"* (b1 17). Tại Biên bản kiểm đếm vật chứng hồi 14 giờ 10 phút ngày 15-9-2020 của Công an huyện H, tỉnh Cao Bằng do ông Nông Văn Đ, Điều tra viên chủ trì có sự tham gia của cán bộ Đội điều tra tổng hợp Công an huyện, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện, cán bộ Đồn Biên phòng Cửa khẩu L, người chứng kiến và bị cáo Triệu Văn Đ đã xác định tổng số khẩu trang bị tạm giữ là 672.000 chiếc (b1 55). Trong quá trình lập biên bản tạm giữ vật chứng không ghi nhận kiện khẩu trang nào bị bục, rách, hay hư hỏng bao bì, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm không có bị cáo nào khai có khẩu tra rơi vãi trong quá trình vận chuyển cũng như lấy về nhà sử dụng, việc các bị cáo Đ, H, K, O thay đổi lời khai có dấu hiệu của sự xúi giục bị cáo khai báo gian dối.

Đối với ý kiến Hội đồng định giá tài sản vi phạm quy định của pháp luật, Căn cứ Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 1494/QĐ-UBND ngày 31-8-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng thì thành phần Hội đồng định giá tài sản có đầy đủ thành phần theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 8, các thành viên Hội đồng định giá tài sản không thuộc các trường hợp không được tham gia định giá tài sản theo quy định tại Điều 13 Nghị định số: 30/2018/NĐ-CP ngày 07-3-2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự. Người bào chữa cho rằng bà Triệu Thị M, Trưởng phòng Tài chính huyện - Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản thuộc trường hợp không được tham gia Hội đồng định giá do đã bị khởi tố về hình sự, bị xử lý kỷ luật nhưng đang công tác không có căn cứ chấp nhận, bởi ngày 31-8-2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ra Quyết định kiện toàn Hội đồng định giá, ngày 03-9-2020 Hội đồng định giá họp và ban hành kết luận định giá, tại thời điểm này bà M chưa bị khởi tố, chưa bị xử lý kỷ luật nên việc bà M tham gia Hội đồng định giá không vi phạm khoản 6 Điều 13 Nghị định số: 30/2018/NĐ-CP ngày 07-3-2018 của Chính phủ.

Đối với ý kiến Hội đồng định giá tài sản vi phạm thời hạn định giá: Điều 216 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị định nêu trên không quy định về thời

hạn cụ thể Hội đồng định giá tài sản phải ban hành kết luận định giá tài sản, việc định giá tài sản vượt quá thời gian ghi trong yêu cầu định giá tài sản của cơ quan điều tra không làm thay đổi nội dung, bản chất vụ việc; biên bản định giá ghi "khẩu trang 04 lớp", còn kết luận giám định ghi "khẩu trang y tế 04 lớp" không làm thay đổi giá trị của tài sản được định giá và bản chất vụ án, quá trình khảo sát giá làm căn cứ định giá, trình tự, thủ tục định giá không vi phạm quy định của pháp luật nên kết luận định giá là khách quan. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo hủy Bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để điều tra lại.

Đối với kháng cáo của các bị cáo Nông Thị T, Triệu Thị T2, Nông Văn L: Bản án sơ thẩm đã xem xét vai trò, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cho các bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng biên giới có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, nhận thức về pháp luật còn hạn chế quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm một phần hình phạt cho các bị cáo, xử phạt các bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt được áp dụng. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, các bị cáo Nông Thị T, Triệu Thị T2, Nông Văn L đã tự nguyện nộp khoản tiền thu lợi bất chính là 500.000 đồng và tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng nên được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nông Thị T, Triệu Thị T2, Nông Văn L đều phạm tội lần đầu với vai trò đồng phạm giúp sức thứ yếu, hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cho các bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đồng thời áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo. Việc người bào chữa và các bị cáo đề nghị được hưởng án treo không có căn cứ chấp nhận, bởi một trong các điều kiện xem xét cho hưởng án treo là mức hình phạt không quá 03 năm tù, mặc dù Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt nhưng mức hình phạt đối với các bị cáo là trên 03 năm tù nên các bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo.

[3] Về án phí:

Do kháng cáo của bị cáo Triệu Văn Đ, Thẩm Văn H, Ngọc Văn H, Ngọc Văn O không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo của các bị cáo Nông Thị T, Triệu Thị T2, Nông Văn L được Hội đồng xét xử chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Triệu Văn Đ, Thẩm Văn H, Ngọc Văn K, Ngọc Văn O, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 25/2021/HS-ST ngày 18-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng đối với các bị cáo.

Căn cứ khoản 3 Điều 189; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

+ Triệu Văn Đ 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam là ngày 24-9-2021 và được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 13-11-2020 đến ngày 08-02-2021.

+ Thẩm Văn H 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam là ngày 24-9-2021 và được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 13-11-2020 đến ngày 09-02-2021.

+ Ngọc Văn K 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam là ngày 24-9-2021 và được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 13-11-2020 đến ngày 05-02-2021.

+ Ngọc Văn O 05 (năm) năm tù về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam là ngày 24-9-2021.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nông Thị T, Triệu Thị T2, Nông Văn L, sửa Bản án sơ thẩm số: 25/2021/HS-ST ngày 18-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng đối với các bị cáo.

Căn cứ khoản 3 Điều 189; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

+ Nông Thị T 04 (bốn) năm tù về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam chấp hành án.

+ Triệu Thị T2 04 (bốn) năm tù về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam chấp hành án.

+ Nông Văn L 04 (bốn) năm tù về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam chấp hành án.

2. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Triệu Văn Đ, Thẩm Văn H, Ngọc Văn K, Ngọc Văn O phải chịu án phí hình sự phúc thẩm mỗi người 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo Nông Thị T, Triệu Thị T2, Nông Văn L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- TAND huyện H;
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Sở Tư pháp CB;
- Trại tạm giam;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu HS vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mã Văn Quân

- Lưu toà HS.